

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày: 05/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Giàu
2. Ông Trần Văn Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2023/TLST-HS ngày 29/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-HS ngày 13/12/2023 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn N**, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **A, khu phố C, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: không biết chữ; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Q**; **sinh năm: 1951 và bà Châu Thị Đ**; **sinh năm: 1956 (đã chết)**; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 26/9/2002 bị Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh B** quyết định đưa vào **Cơ sở giáo dục B2** về hành vi Trộm cắp tài sản, thời hạn 24 tháng (Quyết định số 3228/QĐ-UB, chấp hành xong tháng 9/2004). Ngày 23/9/2005 bị Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là **thành phố B**) xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án Hình sự sơ thẩm số 88/2005/HSST chấp hành xong hình phạt ngày 30/5/2008). Ngày 13/4/2009 bị Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là **thành phố B**) xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Bản án Hình sự sơ thẩm số 36/2009/HSST). Ngày 25/6/2009 bị Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là **thành phố B**) xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (Bản án Hình sự sơ thẩm số 61/2009/HSST). Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 36/2009/HSST ngày 13/4/2009 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 10 năm tù. Chấp hành xong ngày 16/3/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/6/2023 cho đến nay, có mặt.

2. **Lâm Dũng L**, sinh năm 1989 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: **số C, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lâm Chí D**, sinh năm: 1966 và bà **Đỗ Thị U**, **sinh năm: 1965 (đã chết)**; bị cáo **sống chung như vợ**

chồng với **Nguyễn Thị Băng T**; sinh năm: 1988; có 02 con chung sinh năm 2016 và năm 2019.

Tiền án: Ngày 26/5/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án Hình sự sơ thẩm số 133/2020/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/8/2020 nhưng chưa thi hành phần án phí và trách nhiệm dân sự).

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 08/6/2023 cho đến nay, có mặt.

3. Trần Quốc D1 (Dân Á), sinh năm 1973 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số I, khu phố G, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn N1**, sinh năm: 1915 (đã chết) và bà **Trần Thị B**; sinh năm: 1925 (đã chết); vợ: **Bạch Châu Mộng T1**, sinh năm: 1973 (đã ly hôn); con: có 02 người con sinh năm 1993 và năm 1996.

Tiền án: Ngày 16/8/2019 bị Tòa án Quân sự Khu vực 1 - **Quân khu I** xử phạt **Trần Quốc D1** 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, (Bản án Hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 02/9/2021).

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 31/12/2003 bị **Ủy ban nhân dân thị xã B** (nay là **thành phố B**) quyết định đưa đối tượng nghiện ma túy vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng (Quyết định số 3369/QĐ-UB), đến ngày 03/11/2005 Giám đốc **trung tâm G** quyết định tạm đình chỉ thi hành Quyết định bắt buộc chữa bệnh do **D1** bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 07/4/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Quyết định số 3369/QĐ-UB, chấp hành xong hình phạt ngày 23/4/2010). Ngày 23/8/2012 bị Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thị xã B** quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng (Quyết định số 853/QĐ-UBND chấp hành xong Quyết định ngày 02/9/2014). Ngày 08/7/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 23 tháng (Quyết định số 853/QĐ-UBND, chấp hành xong Quyết định ngày 09/02/2018).

Bị cáo bị tạm giam ngày 30/8/2023 cho đến nay, có mặt.

4. Dương Võ Anh K (A B1), sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số D, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn D2**; **sinh năm: 1958 và bà Dương Thị C**; **sinh năm: 1958**; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 03/9/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án Hình sự sơ thẩm số 70/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 04/6/2015). Ngày 16/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án Hình sự sơ thẩm số 07/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 10/5/2018). Ngày

25/02/2019 bị Toà án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST chấp hành xong hình phạt ngày 15/7/2019). Ngày 04/10/2019 bị Toà án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số Hình sự sơ thẩm 74/2019/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 02/11/2021). Ngày 25/8/2022 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án Hình sự sơ thẩm số 50/2022/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 16/02/2023).

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 02/11/2010 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trường G1 về hành vi Trộm cắp tài sản, thời hạn 24 tháng (Quyết định số 1235/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 01/10/2012). Ngày 20/3/2013 bị Toà án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 21/01/2014 (Bản án Hình sự sơ thẩm số 30/2013/HSST, phạm tội khi chưa thành niên).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 18/9/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thành T2, sinh năm 1989; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Phan Thị Đ1, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

3. Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1973; nơi cư trú: số C, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Nguyễn Hữu H, sinh năm 1971; nơi cư trú: số A, đường C, khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. La Văn C1, sinh năm 1978; nơi cư trú: số B, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Phạm Tiến S, sinh năm 1974; nơi cư trú: khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

3. Võ Thị T3, sinh năm 1961; nơi cư trú: D, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Phạm Thị Kim D3, sinh năm 1974; nơi cư trú: số B, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- Người làm chứng: Trần Tôn D4, sinh năm 1972; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/5/2023 đến ngày 20/6/2023, trên địa bàn thành phố B, Trần Quốc D1 (có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản), Lâm Dũng L (có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản), Dương Võ Anh K (có 05 tiền án về tội Trộm cắp tài sản) chưa được xóa án tích đã cùng Trần Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều vụ như sau:

Vụ Thứ nhất: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 27/5/2023, **Trần Quốc D1** chuẩn bị 01 đoạn kim loại dài 50cm và rủ **Lâm Dũng L**, **Trần Văn N** cùng trộm cắp tài sản, **L**, **N** đồng ý. **N** điều khiển xe mô tô **Biển số 71B3-665.04** mượn của mẹ **N** là bà **Châu Thị D5** chở **L**, **D1** đi từ Nhà trọ số 50D, **khu phố B**, **Phường F**, **thành phố B** (Nhà trọ 50D) của chị **Phạm Thị Kim D3**, sinh năm: 1974, ở **Số B**, **ấp B**, **xã B**, **thành phố B** đến khu vực **đường T**, **Phường F**, **thành phố B** tìm tài sản lấy trộm. Khi ngang qua nhà anh **Nguyễn Thành T2**, sinh năm: 1989; ĐKTT: **Số A**, **khu phố B**, **Phường F**, **thành phố B**, thấy nhà khóa cửa ngoài, **D1** kêu **N** dừng ở ngoài đợi, **D1** đến trước cửa nhà anh **T2** dùng đoạn kim loại cạy ổ khóa, mở cửa rồi kêu **L** vào trong. Liền dắt xe mô tô nhãn hiệu Super Dream, màu nâu, **Biển số: 71K6-6781** của anh **T2** ra ngoài, cắt dây điện khởi động và điều khiển xe chạy về Phòng trọ số 02 của **D1** ở Nhà trọ số 50D cất giấu xe. Riêng **D1** lấy một số tài sản gồm: trà, thuốc lá và sữa rồi ra ngoài cho **N** chở về phòng trọ. Sáng cùng ngày **D1** nhờ một Nam thanh niên (không nhớ rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) chở xuống **B** và nhờ bán giúp xe được 2.500.0000 đồng. **D1** cho người Nam thanh niên này 500.000 đồng, số tiền còn lại chia cho **L** và **N** mỗi người 600.000 đồng, **D1** 600.000 đồng, còn 200.000 đồng tiêu xài chung. Tại Kết luận định giá tài sản số **856/KL-HĐĐG** ngày **16/10/2023** của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: SuperDream, màu sơn: nâu, **Biển số: 71K6-6781**, số khung: HA08043Y-566740; số máy: HA08E-0566621. Trị giá tài sản ngày 27/5/2023: 6.500.000 đồng.

Vụ Thứ hai: Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 05/6/2023, **Trần Quốc D1** mang theo đoạn kim loại dùng để cạy ổ khóa và cùng **Lâm Dũng L**, **Dương Võ Anh K** đi từ Nhà trọ số 50D đến khu vực **Phường E**, **thành phố B** tìm tài sản lấy trộm. Đến trước cửa phòng trọ ở **Số B**, **Khu phố A**, **Phường E**, **thành phố B** của chị **Phan Thị D1**, sinh năm: 1993, ở **Ấp B**, **xã T**, **huyện G**, **tỉnh Bến Tre** thấy cửa khóa ngoài nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. **D1** lấy đoạn kim loại cạy ổ khóa vào bên trong phòng trọ lấy trộm 01 cái loa hát Karaoke ghi chữ Birici Q-9S, màu đen của chị **D1**. **D1** và **L** khiêng cái loa ra ngoài, **K** đi về phòng trọ lấy xe mô tô nhãn hiệu: Wave, màu đen (không rõ biển số). Kiệt đến hiện trường, **D1** cùng **L** khiêng loa lên xe, **L** ngồi phía sau giữ cho **K** điều khiển xe chở về Phòng số 02, Nhà trọ số 50D của Dân cất giấu tài sản.

Khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, **L** nhờ **N** bán giúp cái loa. **N** đến phòng trọ của **D1** nhìn thấy cái loa thì hỏi “ăn ở đâu” (nghĩa là lấy trộm ở đâu), **D1** trả lời “ăn gần đây” (nghĩa là lấy trộm gần đây). **N** liên hệ **Trần Tôn D4**, sinh năm: 1972, ĐKTT: **Số A**, **khu phố B**, **Phường F**, **thành phố B** để bán loa. Sau khi xem loa thì **D4** không mua và ra về. **N** liên hệ **La Văn C1**, sinh năm: 1978; ĐKTT: **Số B**, **khu phố B**, **Phường F**, **thành phố B** bán loa. Sau khi xem loa và trao đổi với **L**, **C1** đồng ý mua loa và đưa cho **L** 3.200.000 đồng. Tiền bán loa có được **L** đưa cho **N** 200.000 đồng và nói bán loa được rồi cho tiền **N** uống cà phê thì **N** cất giữ và tiêu xài cá nhân, **L** chia cho **D1** 800.000 đồng, chia cho **K** 600.000 đồng, **L** 600.000 đồng. Số tiền còn lại tiêu xài chung.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) loa điện karaoke ghi chữ Birici Q-9S, màu đen; 01 (một) đĩa DVD, trích xuất dữ liệu an ninh ghi lại hình ảnh **D1**, **L**, **K** thực hiện vụ trộm cắp tài sản nêu trên do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** thu giữ. Tại Kết luận định giá tài sản số 522 ngày 18/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố

tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) loa điện karaoke nhãn hiệu Birici Q-9S, màu đen trị giá tài sản vào ngày 05/6/2023 là 10.843.000 đồng.

Vụ Thứ ba: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/6/2023, Lâm Dũng L rủ Trần Văn N cùng đi trộm cắp tài sản. Liêm chuẩn bị một cây đoản một đầu đẹp, một đầu lắp đoạn ống hình điều cát giấu trong người. N điều khiển xe mô tô Biển số: 71B3-665.04 mượn của mẹ N là bà Châu Thị D5 chở L đến khu vực Ấp C, xã S, thành phố B tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đến khu vực trước nhà Số C, Ấp C, xã S, thành phố B của bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm: 1973, L thấy xe mô tô Biển số: 71B2-192.91 đang dựng trước sân có gắn chìa khoá và cửa rào không khoá nên ra hiệu cho N dừng xe và đưa cây đoản cho N dặn sau khi L lấy được xe, N chạy về nhà trọ cất đoản và lấy áo khoác cho L rồi gặp nhau ở Vòng xoay T, tỉnh Tiền Giang. N chạy trước một đoạn để cảnh giới, L mở cửa rào đi vào bên trong, dẫn xe của chị M ra ngoài, khởi động xe, chạy vượt qua N rồi chạy đến Vòng xoay T địa phận tỉnh Tiền Giang đợi N. Tại đây, L mở cốp xe kiểm tra phát hiện trong xe có tiền nên lấy cất giấu trong người.

N quay trở về Phòng trọ số 4 nhà trọ số 50D để cất giấu cây đoản và lấy 01 cái áo khoác màu đen cho L. Tại đây, N gặp Phạm Tiến S (tên thường gọi Sĩ Đ2), sinh năm: 1974, ĐKTT: Khu phố B, Phường H, thành phố B rủ S đi cùng N qua Tiền Giang N2 sẽ cho S tiền nhưng không nói tiền gì, ở đâu mà có, S đồng ý. Sau khi gặp nhau ở Tiền Giang, N2 điều khiển xe mô tô Biển số: 71B3-665.04 chở S, L điều khiển xe Biển số: 71B2-192.91 chạy về huyện C, tỉnh Tiền Giang tìm chỗ cầm xe; đến đoạn đường thuộc địa phận ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bị Tổ tuần tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang phát hiện, bắt giữ và kiểm tra trong người Liêm có số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng). L khai nhận số tiền trên L lấy trong cốp xe mô tô Biển số 71B2-192.91.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô Biển số: 71B2-192.91, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future, màu sơn: đỏ - đen; số máy: C54E1098093, số khung: 5357DY063832; 01 (một) xe mô tô Biển số: 71B3-665.04; nhãn hiệu Mangostin; màu sơn: nâu; Số máy: LC150FMG01616198; Số khung: MG10000120098; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại: Galaxy Note 8 (đã qua sử dụng); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Biển số: 71B2-192.91; 01 (một) Giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Thanh M; Tiền Việt Nam: 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Do Trần Văn N giao nộp: 01 (một) ống khoá vặn ốc vít loại 08mm, ký hiệu Rebei, bằng kim loại màu trắng, một đầu lục giác, 01 đầu lắp đoạn kim loại mài đẹp, điểm nối dán keo, tổng chiều dài ống điều chữ L là 26cm. 01 (một) mỏ lách kim loại màu xám - nâu, kích thước 30cm; 01 (một) cây xà beng kim loại màu nâu một đầu đẹp, một đầu có khe hở rộng nhất 01cm, tổng chiều dài: 50cm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 374 ngày 08/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số: 71B2-192.91, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future, màu sơn: đỏ - đen; số máy: C54E-1098093, số khung: 5357DY063832, trị giá tài sản vào ngày 07/6/2023 là 16.500.000 đồng.

Vụ Thứ tư: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 20/6/2023, **Trần Quốc D1** đi bộ từ Nhà trọ số 50D để về nhà của **D1** ở **Số I, Khu phố G, phường A, thành phố B** khi ngang qua trước **Phòng khám B3 ở Số A, Đường C, Khu phố F, phường A, thành phố B** của ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm: 1971, ở **Số A, Đường C, Khu phố F, phường A, thành phố B**, thấy nhà khóa cửa ngoài nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Dân trở về phòng trọ lấy 01 đoạn kim loại rồi quay trở lại Phòng khám Bác sĩ **H** dùng đoạn kim loại nạy ổ khoá, mở cửa đi vào bên trong phòng khám. Dân đến bàn làm việc, lấy trong ngăn kéo số tiền 5.000.000 đồng bỏ vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi đến khu vực phía sau phòng khám lấy trộm các tài sản gồm: 02 chai rượu ngoại hiệu HENNESSY 750ml để ở chân cầu thang; 02 tượng Kỳ lân bằng đồng, 02 tượng **Lân màu nâu bằng composite ngậm ngà voi màu vàng để trên kệ. D1 bỏ tài sản lấy trộm được vào 01 túi giấy và tẩu thoát ra ngoài.** Tài sản lấy trộm được **D1** mang về Phòng trọ số 02 Nhà trọ số 50D cất giấu. Sau đó, **D1** bán các tài trên cho **Bùi Viễn P**, sinh năm: 1985; ĐKTT: **Số D, Khu phố B, Phường H, thành phố B** được 2.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: do bà **Võ Thị T3** (mẹ của **P**), sinh năm: 1961, ĐKTT: **Số D, Khu phố B, Phường H, thành phố B** giao nộp: 02 (hai) tượng Kỳ lân bằng đồng, kích thước 25cm x 15cm x 10cm, khối lượng 0,5kg; **02 (hai) tượng Lân màu nâu bằng composite ngậm ngà voi màu vàng.**

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 672/KL-HĐG ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **thành phố B** kết luận: 02 (hai) chai rượu ngoại hiệu HENNESSY 750ml, trị giá tài sản ngày 20/6/2023 là 1.500.000 đồng. 02 (hai) tượng Kỳ lân bằng đồng, kích thước 25cm x 15cm x 10cm, khối lượng 0,5kg, trị giá tài sản ngày 20/6/2023 là 5.000.000 đồng. 01 (một) ổ khoá số hiệu **V**-Tiếp loại chữ U, màu đen, trị giá tài sản ngày 20/6/2023 là: 110.000 đồng. 01 (một) ổ khoá số hiệu **V**-Tiếp loại chữ U, màu đen, trị giá tài sản ngày 20/6/2023 là: 110.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 933/KL-HĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **thành phố B** kết luận: 02 (hai) tượng Lân màu nâu bằng Composite, kích thước 4,5cm x 9,5cm x 17cm, ngậm ngà voi màu vàng, cao 44cm trị giá: 2.300.000 đồng. Giá trị tài sản **D1** chiếm đoạt của ông **Nguyễn Hữu H** tổng cộng: 9.020.000 đồng.

Quá trình điều tra, **Trần Quốc D1, Lâm Dũng L, Trần Văn N** và **Dương Võ Anh K** đã khai nhận phù hợp với nhau về hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của các bị hại, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 121/CT-VKSTPBT ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo: **Trần Văn N** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; **Dương Võ Anh K** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; **Lâm Dũng L** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; **Trần Quốc D1** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Văn N** từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Văn N** từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lâm Dũng L** từ 03 đến 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Quốc D1** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Dương Võ Anh K** từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị ghi nhận: Các bị hại **Phan Thị Đ1**, **Nguyễn Thanh M** đã nhận lại tài sản bị lấy trộm và không yêu cầu bồi thường gì khác; Bị hại **Nguyễn Hữu H** đã nhận lại 02 tượng Kỳ lân bằng đồng, 02 tượng Lân màu nâu bằng Composite ngậm ngà voi màu vàng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng; 02 chai rượu ngoại hiệu HENNESSY 750ml, 02 ổ khóa bị hại **H** không yêu cầu **D1** bồi thường. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **La Văn C1** không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền anh bỏ ra mua cái loa sau đó bị thu hồi.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh **Nguyễn Thành T2** không thu hồi được trị giá 6.500.000 đồng, anh **T2** có yêu cầu bồi thường nên buộc các bị cáo yêu cầu các bị cáo: **Trần Quốc D1**, **Lâm Dũng L**, **Trần Văn N** liên đới bồi thường cho bị hại **Nguyễn Thành T2** số tiền 6.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả cho bị hại **Phan Thị Đ1** 01 loa điện karaoke ghi chữ Birici Q-9S, màu đen; đã trả cho bị hại **Nguyễn Thị Thanh M**: 01 xe mô tô Biển số: 71B2-192.91, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future, màu sơn: đỏ - đen; số máy: C54E1098093, số khung: 5357DY063832; 01 giấy đăng ký xe Biển số: 71B4-192.91; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tên **Nguyễn Thị Thanh M**; Tiền Việt Nam: 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng); đã trả cho bị

hại **Nguyễn Hữu H**: 02 tượng Kỳ Lân bằng đồng, 02 tượng Lân màu nâu bằng Composite ngậm ngà voi màu vàng.

Tiếp tục tạm giữ để thi hành án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung là tài sản riêng của **Lâm Dũng L**;

Tịch thu tiêu hủy: 01 ống khoá vặn ốc vít loại 08mm, ký hiệu Rebei, bằng kim loại màu trắng, một đầu lục giác, 01 đầu lắp đoạn kim loại mài đẹp, điểm nối dán keo, tổng chiều dài ống điều chỉnh chữ L là 26cm; 01 mỏ lết kim loại màu xám – nâu, kích thước 30cm; 01 cây xà beng kim loại màu nâu một đầu đẹp, một đầu có khe hở rộng nhất 01cm, tổng chiều dài: 50cm.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** 01 xe mô tô hai bánh Biển số: 71B3-665.04; nhãn hiệu Mangostin; màu sơn: nâu; Số máy: LC150FMG01616198; Số khung: MG10000120098 để tiếp tục làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: từ ngày 27/5/2023 đến ngày 20/6/2023, trên địa bàn **thành phố B**, **Trần Quốc D1** là người có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích; **Lâm Dũng L** là người có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích; **Dương Võ A K** là người có 05 tiền án về tội Trộm cắp tài sản (lần phạm tội trước thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm) cùng **Trần Văn N** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều vụ, cụ thể:

- Vụ Thứ nhất: khoảng 01 giờ 00 phút ngày 27/5/2023, tại **Nhà số A, khu phố B, Phường F, thành phố Bến Tre D** cùng **L, N** lấy trộm của anh **Nguyễn Thành T2** 01 xe mô tô nhãn hiệu Super Dream, màu nâu, Biển số: 71K6-6781, trị giá: 6.500.000 đồng;

- Vụ Thứ hai: khoảng 00 giờ 20 phút ngày 05/6/2023, tại Nhà số B, Khu phố A, Phường E, thành phố B, L và K lấy trộm của chị Phan Thị Đ1 01 cái loa, trị giá: 10.843.000 đồng. Liềm nhờ Trần Văn N bán tài sản do trộm được mà có được 3.200.000 đồng, L cho N 200.000 đồng.

- Vụ Thứ ba: khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/6/2023, tại Nhà số C, Ấp C, xã S, thành phố B và N lấy trộm của chị Nguyễn Thị Thanh M một xe mô tô, trị giá: 16.500.000 đồng và số tiền 54.000.000 đồng;

- Vụ Thứ tư: khoảng 02 giờ 00 phút ngày 20/6/2023, tại Nhà số A, Đường C, Khu phố F, phường A, thành phố B Dân lấy trộm của anh Nguyễn Hữu H số tiền 5.000.000 đồng và các tài sản gồm: 02 chai rượu ngoại hiệu HENNESSY 750ml; 02 tượng kỳ lân bằng đồng, 02 tượng lân màu nâu bằng composite ngậm ngà voi màu vàng, 02 ổ khoá. Tổng giá trị tài sản bị can chiếm đoạt của bị hại là: 14.020.000 đồng.

Như vậy:

Bị cáo Trần Quốc D1 đã thực hiện 03 vụ Trộm cắp tài sản: chiếm đoạt của Nguyễn Thành T2 tài sản trị giá: 6.500.000 đồng; chiếm đoạt của Phan Thị Đ1 tài sản trị giá 10.843.000 đồng; chiếm đoạt của Nguyễn Hữu H tài sản trị giá: 14.020.000 đồng. Tổng giá trị tài sản D1 chiếm đoạt của các bị hại: 31.363.000 đồng.

Bị cáo Lâm Dũng L thực hiện 03 vụ Trộm cắp tài sản: chiếm đoạt của Nguyễn Thành T2 tài sản trị giá: 6.500.000 đồng; chiếm đoạt của Phan Thị Đ1 tài sản trị giá 10.843.000 đồng; chiếm đoạt của Nguyễn Thị Thanh M tài sản trị giá: 70.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản L chiếm đoạt của các bị hại: 87.843.000 đồng.

Bị cáo Trần Văn N thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản: chiếm đoạt của Nguyễn Thành T2 tài sản trị giá: 6.500.000 đồng; chiếm đoạt của Nguyễn Thanh M tài sản trị giá: 70.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản L chiếm đoạt của các bị hại: 77.000.000 đồng.

Bị cáo Dương Võ Anh K thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản: chiếm đoạt của Phan Thị Đ1 tài sản trị giá: 10.843.000 đồng.

Đối với vụ trộm cắp tài sản ngày 05/6/2023, sau khi lấy được tài sản, L nhờ Trần Văn N bán tài sản, N biết đây là tài sản do L lấy trộm mà có nhưng vẫn giúp L tìm người mua tài sản và sau khi L bán được thì L cho N số tiền 200.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của người khác, trong đó bị cáo N, bị cáo L chiếm đoạt tài sản trên 50.000.000 đồng, bị cáo D1, bị cáo K chiếm đoạt tài sản trên 2.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng nhưng bị cáo K có tiền án đã bị áp dụng tình tiết tái phạm chưa được xóa. Ngoài ra, bị cáo N biết rõ tài sản do bị cáo L phạm tội mà có nhưng vẫn giúp sức để bị cáo L bán tài sản để hưởng lợi bất chính số tiền 200.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo bị cáo Trần Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; bị cáo Dương Võ Anh K về tội “Trộm

cấp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo **Lâm Dũng L** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo **Trần Quốc D1** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: bị cáo **N** không có tiền án tiền sự nhưng đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính và nhiều lần bị kết án; bị cáo **D1** có một tiền án và đã nhiều bị kết án và xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo **L** có một tiền án; bị cáo **K** có 05 tiền án và đã từng bị kết án, xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo **L** được áp dụng thêm tình tiết “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì: Bị cáo **K** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo **D1, L, N** (đối với tội Trộm cắp tài sản) phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo **L**, bị cáo **D1** có tiền án nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Các vụ án trên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, trong đó **Trần Quốc D1, Lâm Dũng L, Dương Võ Anh K** tham gia với vai trò là người thực hành, **Trần Văn N** tham gia với vai trò người giúp sức. Bị cáo **D1** 03 lần thực hiện hành vi phạm tội trong đó có 01 lần đồng phạm cùng với **L**, bị cáo **N**; 01 lần đồng phạm cùng với bị cáo **L**, bị cáo **K** và 01 lần thực hiện một mình. Bị cáo **L** thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trong đó có 01 vụ đồng phạm cùng với bị cáo **D1**, bị cáo **N**; 01 lần đồng phạm cùng với bị cáo **D1** và bị cáo **K**; 01 lần đồng phạm với bị cáo **N**. Bị cáo **K** thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản đồng phạm cùng với bị cáo **D1**, bị cáo **L**. Bị cáo **N** thực hiện 02 vụ trộm trong đó 01 vụ cùng với bị cáo **D1**, bị cáo **L**, 01 vụ đồng phạm cùng với bị cáo **L** nên cần cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo **N** bị xét xử về 02 tội nên cần xem xét áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của cả 02 tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Phan Thị D1 01 loa điện karaoke ghi chữ Birici Q-9S, màu đen; trả cho bị hại Nguyễn Thị Thanh M: 01 xe mô tô Biển số: 71B2-192.91, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future, màu sơn: đỏ - đen; 01 giấy đăng ký xe Biển số: 71B4-192.91; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Thanh M; Tiền Việt Nam: 54.000.000 đồng; trả cho bị hại Nguyễn Hữu H: 02 tượng Kỳ lân bằng đồng, 02 tượng Lân màu nâu bằng Composite ngâm ngà voi màu vàng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng; 02 chai rượu ngoại hiệu HENNESSY 750ml, 02 ổ khóa bị hại H không yêu cầu D1 bồi thường; La Văn C1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền anh bỏ ra mua cái loa sau đó bị thu hồi.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Thành T2 không thu hồi được trị giá 6.500.000 đồng, anh T2 có yêu cầu bồi thường nên buộc các bị cáo yêu cầu các bị cáo: Trần Quốc D1, Lâm Dũng L, Trần Văn N liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành T2 số tiền 6.500.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo 1/3.

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại: Galaxy Note 8 để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô hai bánh Biển số: 71B3-665.04; nhãn hiệu Mangostin; N dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, N khai xe của bà Châu Thị D5 (mẹ của N) cho N mượn làm phương tiện đi lại. Bà D5 đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không làm việc được. Kết quả tra cứu nguồn gốc xe chủ xe là chị Đặng Thị Kiều D6, sinh năm: 1970, ĐKTT: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre do chị D6 không có mặt tại địa phương nên kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý theo pháp luật.

Tịch thu tiêu hủy: 01 ống khoá vặn ốc vít loại 08mm, ký hiệu Rebei, bằng kim loại màu trắng, một đầu lục giác, 01 đầu lắp đoạn kim loại mài đẹp, điểm nổi dán keo, tổng chiều dài ống điều chỉnh L là 26cm; 01 mỏ lết kim loại màu xám – nâu, kích thước 30cm; 01 cây xà beng kim loại màu nâu một đầu đẹp, một đầu có khe hở rộng nhất 01cm, tổng chiều dài: 50cm.

[8] Đối với Phạm Tiến S không biết xe mô tô biển số: 71B2-192.91 do phạm tội mà có; La Văn C1 khi mua cái loa do Lâm Dũng L bán không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; Bùi Viễn P khi mua của Trần Quốc D1 02 tượng kỳ lân bằng đồng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; Võ Thị T3 khi cất giữ 02 tượng kỳ lân bằng đồng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; Trần Tôn D4 khi N giới thiệu D4 mua cái L2, D4 không mua và không biết tài sản do Trộm cắp mà có nên cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với nam thanh niên D1 nhờ chở đến huyện B bán xe mô tô biển số: 71K6-6781 và người mua xe mô tô nhưng chưa rõ thông tin nhân thân nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với **Phạm Thị Kim D3** khi cho **D1**, **L**, **N** thuê phòng trọ **D3** không biết các đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mang tài sản do phạm tội mà có về cất giấu tại phòng trọ nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với hành vi lấy tài sản gồm trà, thuốc lá và sữa mà các bị cáo trộm cắp của anh **Nguyễn Thành T2** do chưa đủ xác định được số lượng, giá trị tài sản; đối với cái giỏ mà bị cáo **L** và **N** lấy của bị hại **Nguyễn Thị Thanh M** chưa làm rõ giá trị nên kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe xe mô tô, nhãn hiệu: Wave, màu: đen **Dương Võ Anh K** dùng làm công cụ, phạm tội do không rõ nguồn gốc và không thu Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** chưa thu giữ nên kiến nghị tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô Biển số: 71B3-665.04 **N** dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, **N** khai xe của bà **Châu Thị D5** (mẹ của **N**) cho **N** mượn làm phương tiện đi lại. Bà **D5** đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** không làm việc được. Kết quả tra cứu nguồn gốc xe chủ xe là chị **Đặng Thị Kiều D6**, sinh năm: 1970, ĐKTT: **ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre** do chị **D6** không có mặt tại địa phương nên kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý theo pháp luật.

Đối với công cụ **D1** thực hiện hành vi phạm tội là một đoạn kim loại dài khoảng 50cm, do **D1** đã ném bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý trong vụ án.

Đối với việc bị cáo **K** có 05 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng Cơ quan Điều tra không chứng minh được lần phạm tội này bị cáo dùng tài sản chiếm đoạt được để làm nguồn sống chính nên không xử lý bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (phạm tội có tính chất chuyên nghiệp) là phù hợp.

[8] LỜI phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo:

Trần Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Dương Võ Anh K, **Lâm Dũng L**, **Trần Quốc D1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Văn N**

02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Văn N** 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

1.2 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lâm Dũng L** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Quốc D1** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2023.

1.4 Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Dương Võ A Kiệt** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo: **Trần Quốc D1**, **Lâm Dũng L**, **Trần Văn N** liên đới bồi thường cho **Nguyễn Thành T2** số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó mỗi bị cáo 1/3.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 ống khoá vặn ốc vít loại 08mm, ký hiệu Rebei, bằng kim loại màu trắng, một đầu lục giác, 01 đầu lắp đoạn kim loại mài đẹp, điểm nổi dán keo, tổng chiều dài ống điều chữ L là 26cm; 01 mỏ lết kim loại màu xám – nâu, kích thước 30cm; 01 cây xà beng kim loại màu nâu một đầu đẹp, một đầu có khe hở rộng nhất 01cm, tổng chiều dài: 50cm.

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại: Galaxy Note 8 để đảm bảo thi hành án. (Điện thoại thu giữ của bị cáo **Lâm Dũng L**).

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** 01 xe mô tô hai bánh Biển số: 71B3-665.04; nhãn hiệu Mangostin; màu sơn: nâu; Số máy: LC150FMG01616198; Số khung: MG10000120098 để xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo **Trần Quốc D1, Lâm Dũng L, Trần Văn N, Dương Võ Anh K** phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo **Trần Quốc D1, Lâm Dũng L, Trần Văn N** liên đới nộp 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, phần mỗi bị cáo là 1/3.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P.5, P. An Hội, xã Bình Phú, TPBT (3b);
- UBND xã Mỹ Đức Đông, H.Cái Bè, T.TG (1b);
- Bị cáo, NTGTT (8b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (12b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình